



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 2)

*(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Hàng đồ cứng, Chi nhánh Hải Phòng**

*Laboratory: **Hardline Laboratory, Hai Phong Branch***

Tổ chức /Cơ quan chủ
quản: **Công ty SGS Việt Nam TNHH**

*Organization: **SGS Vietnam Ltd***

Số hiệu/ Code: **VILAS 237**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

*Field: **Electrical - Electronic***

Người quản lý/
Laboratory manager: **Ung Thanh Vân**

Hiệu lực công nhận **từ ngày / 5 /2026 đến ngày 23/02/2027**

Period of Validation:

Địa chỉ: **198 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh**

*Address: **198 Nguyen Thi Minh Khai Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City***

Địa điểm: **Lô CN 8.2 Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, phường Thiên Hương,
TP. Hải Phòng**

*Location: **Lot CN 8.2, Nam Cau Kien Industrial Zone, Thien Huong Ward,
Hai Phong City***

Điện thoại/ Tel: **0225 3 552 722**

Email: sgs.haiphong@sgs.com

Website: www.vn.sgs.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No.2)***VILAS 237****Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử***Field of testing: Electrical – Electronic*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Đồ chơi (nhồi bông, nhựa, gỗ) có điện <i>Electric toys (plush, plastic, wooden)</i>	Đo công suất vào <i>Measurement of power input</i>	Đến/ <i>Up to 6 KW</i>	TCVN 11332:2016 Clause 8 EN IEC 62115:2020 + A11:2020 Clause 8 AS NZS 62115:2018 Clause 8 IEC 62115:2017 Clause 8 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 8 BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 8
2.		Kiểm tra sự phù hợp bằng cách xem xét đồ chơi khi dùng biến áp <i>Check compliance by visual inspection when the transformer is attached</i>	Điện áp/ <i>Voltage</i> Đến/ <i>To</i> 110 VAC/DC	TCVN 11332:2016 Clause 14.3, 14.4. EN IEC 62115:2020 + A11:2020. Clause 13.2 AS NZS 62115:2018 Clause 13.2 IEC 62115:2017 Clause 13.2 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 14.3, 14.4 BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 13.2

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No.2)

VILAS 237

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
3.	Đồ chơi (nhồi bông, nhựa, gỗ) có điện <i>Electric toys (plush, plastic, wooden)</i>	Kiểm tra sự phù hợp bằng cách xem xét đồ chơi khi dùng pin sạc <i>Check compliance by visual inspection when battery charge is attached with toy</i>	Điện áp/ <i>Voltage</i> Đến/ <i>To</i> 110 VAC/DC	TCVN 11332:2016 Clause 14.2 EN IEC 62115:2020 + A11:2020 Clause 13.6. AS NZS 62115:2018 Clause 13.6 IEC 62115:2017 Clause 13.6 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 14.2 BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 13.6
4.		Kiểm tra điện áp làm việc đối với đồ chơi có điện áp làm việc lớn hơn 24V <i>Check working voltage exceeding 24V of electric toy</i>	Điện áp/ <i>Voltage</i> Đến/ <i>Up to</i> 5 kV AC/DC	TCVN 11332:2016 Clause 14.15. EN IEC 62115:2020 + A11:2020 Clause 13.8 AS NZS 62115:2018 Clause 13.8 IEC 62115:2017 Clause 13.8 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 14.15 BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 13.8

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No.2)

VILAS 237

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Đồ chơi (nhồi bông, nhựa, gỗ) có điện <i>Electric toys (plush, plastic, wooden)</i>	Kiểm tra yêu cầu về đánh dấu và các thông tin nhãn dán trên bao bì, sản phẩm cho máy biến áp và nguồn điện của đồ chơi <i>Check marking requirements and label information on the packaging and products for transformers and power supplies for toys</i>	-	BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 IEC 62115:2017 AS NZS 62115:2018 EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 15.3 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 16.3 TCVN 11332:2016 Clause 16.3 IEC 61558-2-7:2023 Clause 8 IEC 61558-2-16:2021 Clause 8
6.		Kiểm tra yêu cầu về đánh dấu và các thông tin nhãn dán trên bao bì, sản phẩm cho bộ sạc pin <i>Check marking requirements and label information on the packaging and products for battery charge</i>	-	BS EN IEC 62115:2020+A11:2020 IEC 62115:2017 AS NZS 62115:2018 EN IEC 62115:2020+A11:2020 Clause 15.4 TCVN 11332:2016 Clause 16.3, 16.4 IEC 60335-2-29:2016+AMD1:2019 Clause 7 IEC 60335-1:2020 Clause 7

Chú thích/ Note

ASTM: *The American Society for Testing and Materials*
 EN: *European Standard*
 BS: *British Standard*
 BS EN: *British Standard*
 TCVN: *Tiêu chuẩn Việt Nam/ Vietnam Standards*
 ISO: *International Standard Organization*
 AS NZS: *Australian and New Zealand Standard*
 ABNT: *The Brazilian Association of Technical Standards*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No.2)

VILAS 237

Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty SGS Việt Nam TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for SGS Vietnam Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

Phan